

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Chuyển đổi số là phương thức phát triển mới, mang tính đột phá, là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và lâu dài trong xây dựng chính quyền hiện đại, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

2. Dữ liệu được xác định là nguồn lực trọng yếu để triển khai chính quyền số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến không phụ thuộc địa giới hành chính và hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực. Mọi quyết định, điều hành của chính quyền phải dựa trên dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, kết nối liên thông.

3. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu và là động lực của chuyển đổi số. Mọi chính sách, dịch vụ số phải lấy mức độ hài lòng, khả năng sử dụng và kết quả thụ hưởng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá.

4. Dịch vụ số phải được cung cấp đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, giữa các cấp chính quyền, đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận dịch vụ số.

5. Ứng dụng công nghệ mới là động lực thúc đẩy chuyển đổi số, trong đó ưu tiên trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây, Internet vạn vật và các công nghệ phù hợp. Việc ứng dụng công nghệ phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, giải quyết các bài toán cụ thể của tỉnh trong quản trị công, nông nghiệp, y tế, giáo dục, giao thông và phát triển kinh tế số.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân là điều kiện tiên quyết trong quá trình chuyển đổi số.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, Gia Lai hình thành hệ sinh thái chuyển đổi số đồng bộ, lấy dữ liệu làm nền tảng, người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, công nghệ số là công cụ chính yếu để phát triển nhanh, bền vững, trong đó:

- Xây dựng chính quyền số hiện đại, minh bạch, hiệu quả; giải quyết thủ tục hành chính, điều hành công vụ trên môi trường số, không phụ thuộc địa giới hành chính. Phấn đấu chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước.

- Phát triển kinh tế số - kinh tế xanh; khai thác hiệu quả các lĩnh vực ưu tiên: nông nghiệp số, du lịch thông minh, đô thị thông minh, giao thông thông minh...

- Xây dựng xã hội số toàn diện, người dân được phổ cập kỹ năng số, sử dụng thành thạo dịch vụ công, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân thông qua các dịch vụ số thiết yếu về các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, môi trường...

- Bảo đảm môi trường số an toàn, tin cậy, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm chủ quyền dữ liệu và an ninh mạng trong mọi lĩnh vực hoạt động của chính quyền, doanh nghiệp và người dân.

2. Mục tiêu đến năm 2030

2.1. Chính quyền số

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, tái sử dụng.
- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.
- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ chính quyền số được triển khai, kết nối và đưa vào sử dụng theo lộ trình của Trung ương.
- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.
- Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của tỉnh đạt cấp độ 5 (theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0)).
- 100% cơ quan nhà nước có cán bộ phụ trách CNTT hoặc chuyển đổi số chuyên trách.

2.2. Kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Hình thành ít nhất 03 Khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh.
- Trên 70% doanh nghiệp và hợp tác xã sử dụng nền tảng số trong quản trị và sản xuất.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;

2.3. Xã hội số

- Định danh điện tử đạt trên 85% dân số trưởng thành.
- 100% cơ sở y tế đủ điều kiện triển khai hồ sơ bệnh án điện tử.
- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông cơ bản đạt tối thiểu 95%;
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.
- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%.

2.4. An toàn, an ninh mạng

100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền số được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế và quản trị số

Xây dựng một khung thể chế thống nhất, hiện đại, phù hợp với mô hình chính quyền số hai cấp, bảo đảm mọi hoạt động quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ và chia sẻ dữ liệu đều dựa trên các nguyên tắc minh bạch, chuẩn hóa và an toàn. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm:

- Xây dựng và hoàn thiện khung thể chế chuyển đổi số cấp tỉnh, bao gồm hệ thống các quy định, quy chế, tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị. Trong đó, ưu tiên ban hành Chiến lược dữ liệu và Quy chế quản trị dữ liệu cấp tỉnh, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn, phương thức thu thập, lưu trữ, chia sẻ, sử dụng dữ liệu của các cơ quan nhà nước và tổ chức liên quan; đồng thời xác lập các tiêu chuẩn về API mở, liên thông dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu địa phương.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực công nghệ thông tin, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn... Tập trung triển khai các chính sách ưu đãi về thu nhập, đào tạo, bồi dưỡng và môi trường làm việc để thu hút, giữ chân chuyên gia công nghệ số tại địa phương.

- Hoàn thiện cơ chế giám sát, đánh giá và xếp hạng chuyển đổi số hàng năm, coi đây là công cụ thúc đẩy trách nhiệm người đứng đầu và sự chủ động của các cơ quan, địa phương.

2. Phát triển hạ tầng số hiện đại

Hạ tầng số quyết định khả năng vận hành thông suốt, an toàn và bền vững của chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm:

- Phát triển hạ tầng viễn thông, đảm bảo chất lượng dịch vụ Internet băng rộng, phủ đến các hộ gia đình, vùng sâu, vùng xa. Triển khai mạng 5G, 6G với chất lượng ổn định, phục vụ hiệu quả các ứng dụng IoT, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên toàn tỉnh.

- Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng từ cấp tỉnh đến cấp xã theo hướng ổn định, an toàn, thông suốt; trên cơ sở tái cấu trúc mạng hiện có, tích hợp với mạng diện rộng của tỉnh. Việc triển khai phải tuân thủ mô hình tham chiếu về kết nối mạng cho bộ, ngành, địa phương theo các quy định của Trung ương.

- Nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP), bảo đảm kết nối thông suốt với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) và các hệ thống của bộ, ngành, địa phương khác trên toàn quốc. Tăng cường khả năng liên thông, chia sẻ dữ liệu đa chiều, phục vụ điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo mô hình điện toán đám mây, kết nối đồng bộ với hạ tầng đám mây Chính phủ. Đưa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng riêng của tỉnh lên môi trường điện toán đám mây dùng chung. Đảm bảo tuân thủ nguyên tắc bảo mật, an toàn thông tin, tiết kiệm chi phí, chống đầu tư trùng lặp và tăng tính linh hoạt, mở rộng khi cần.

- Nâng cấp, mở rộng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Gia Lai để thực hiện quản lý, điều hành tập trung, đa nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng cường ứng dụng AI để khai thác và sử dụng lại dữ liệu số trong hoạt động chỉ đạo, điều hành; khai thác dữ liệu từ hệ thống IOC phục vụ tác nghiệp hằng ngày của cán bộ, công chức, viên chức.

- Phát triển, mở rộng hạ tầng IoT (Internet vạn vật) để phục vụ các lĩnh vực như quản lý giao thông, chiếu sáng đô thị, giám sát môi trường, quản lý nông nghiệp, logistics, an ninh trật tự và phòng chống thiên tai. Mỗi lĩnh vực sẽ có hệ thống cảm biến, thiết bị đầu cuối, nền tảng kết nối và cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành, bảo đảm tính đồng bộ, tương thích và tiết kiệm đầu tư.

3. Phát triển dữ liệu và nền tảng số

Dữ liệu và nền tảng số là hạt nhân của chuyển đổi số, là cơ sở để chính quyền ra quyết định dựa trên dữ liệu, qua đó phục vụ người dân và doanh nghiệp nhanh hơn, chính xác hơn, thuận tiện hơn. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm:

- Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh - nền tảng trung tâm để tích hợp, lưu trữ, xử lý và chia sẻ dữ liệu từ các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và các hệ thống cảm biến IoT; cung cấp dữ liệu đầu vào cho Trung tâm điều hành thông minh (IOC); các nền tảng AI, hệ thống phân tích dự báo, trợ lý số công vụ và các dịch vụ dữ liệu mở cho người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai Cổng dữ liệu mở, công khai các bộ dữ liệu không nhạy cảm phục vụ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, báo chí, doanh nghiệp và cộng đồng.

- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn và kiến trúc kỹ thuật dữ liệu thống nhất, đảm bảo khả năng kết nối giữa các lĩnh vực: dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài nguyên - môi trường, du lịch, nông nghiệp, y tế, giáo dục và an ninh trật tự.

- Phát triển, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung của tỉnh với định hướng “một nền tảng - nhiều dịch vụ”.

4. Phát triển chính quyền số

Chính quyền số là trung tâm của quá trình chuyển đổi số, thể hiện năng lực quản trị hiện đại, công khai, minh bạch, vận hành dựa trên dữ liệu và hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm:

- Triển khai chính quyền số đồng bộ hai cấp hành chính, bảo đảm đồng bộ thống nhất các nền tảng số trong chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp. Thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định. Đảm bảo số hóa 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, tích hợp đồng bộ với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Kho dữ liệu số của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo và triển khai đến tất cả các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Triển khai hệ thống phản ánh, kiến nghị và tương tác người dân trực tuyến, cho phép người dân và doanh nghiệp phản ánh, đề xuất, đánh giá chất lượng dịch vụ công theo thời gian thực. Mọi phản ánh được xử lý, theo dõi, phản hồi công khai trên môi trường số, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính.

- Triển khai hệ thống văn phòng điện tử đến tất cả các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; hướng tới “nền hành chính không tiếp xúc” - vừa hiệu quả, vừa thân thiện với môi trường.

5. Phát triển kinh tế số

Phát triển kinh tế số là một trong những trụ cột trọng tâm của chiến lược chuyển đổi số tỉnh Gia Lai, xác định là động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế trong giai đoạn 2026 - 2030. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm:

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) triển khai chuyển đổi số thông qua việc áp dụng các nền tảng số nhằm tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh, năng lực cạnh tranh và khả năng tạo ra giá trị mới. Đến năm 2030, trên 70% doanh nghiệp và hợp tác xã sẽ sử dụng nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh; 100% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử và ít nhất 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới quy trình hoặc mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số.

- Hình thành và phát triển các Khu công nghệ số tập trung của tỉnh; thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp công nghệ số. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, bao gồm: Trung tâm đổi mới sáng tạo

và khởi nghiệp, vườn ươm doanh nghiệp, không gian sáng tạo mở, và phòng thí nghiệm công nghệ trọng điểm.

6. Phát triển xã hội số

Xã hội số vừa là mục tiêu, vừa là kết quả của quá trình chuyển đổi số, mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng lợi ích từ công nghệ số một cách bình đẳng, an toàn và bền vững. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm:

- Thực hiện chương trình “Bình dân học vụ số” và các phong trào học tập số để đào tạo, nâng cao kỹ năng số cho cộng đồng: Phổ cập kỹ năng số và kỹ năng an toàn thông tin cho người dân, nhằm phòng ngừa rủi ro, tội phạm trên môi trường mạng; tập huấn, nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp của tỉnh.

- Triển khai chương trình phổ cập điện thoại thông minh, thiết bị số đến toàn dân; các doanh nghiệp viễn thông có các gói cước ưu đãi đối với người dùng tại vùng sâu, vùng xa để khuyến khích việc tận dụng công nghệ số.

- Ứng dụng toàn diện công nghệ số trong ngành y tế, đặc biệt tại các cơ sở khám, chữa bệnh. Thực hiện chuyển đổi số bệnh viện, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử thay thế bệnh án giấy, hướng tới hình thành bệnh viện thông minh.

- Ứng dụng công nghệ số trong giáo dục và đào tạo; số hóa tài liệu, giáo trình; triển khai nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy – học tập kết hợp giữa hình thức trực tuyến và trực tiếp, phù hợp với điều kiện địa phương.

- Phát triển hệ sinh thái nền tảng số trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, đảm bảo khả năng tích hợp với hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh và các nền tảng dữ liệu quốc gia do các bộ, ngành Trung ương vận hành.

- Số hóa di sản văn hóa, lễ hội, bản sắc dân tộc, phát triển bản đồ số văn hóa tỉnh Gia Lai.

7. An toàn, an ninh mạng

An toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết để bảo đảm cho quá trình chuyển đổi số của tỉnh diễn ra bền vững, hiệu quả. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm:

- Xây dựng, vận hành Trung tâm an ninh mạng của tỉnh, mở rộng phạm vi giám sát đến toàn bộ hệ thống thông tin của các sở, ngành, xã/phường, các đơn vị cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các doanh nghiệp hạ tầng quan trọng.

- Triển khai chương trình “An toàn thông tin cộng đồng” đến từng xã, phường, trường học và doanh nghiệp, nhằm phổ cập kiến thức về bảo mật cá nhân, nhận diện tấn công lừa đảo, bảo vệ thiết bị và dữ liệu cá nhân. Các tổ công nghệ số cộng đồng, trường học, cơ quan báo chí và doanh nghiệp viễn thông sẽ phối hợp tổ chức tháng

hành động về an toàn thông tin mạng, tạo môi trường mạng an toàn, lành mạnh và đáng tin cậy cho người dân. Tăng cường truyền thông qua hệ thống truyền thông cơ sở, truyền thông qua loa truyền thanh tại thôn, bản và bằng nhiều thứ tiếng dân tộc về công tác an toàn, an ninh mạng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chiến lược được đảm bảo từ nguồn ngân sách địa phương, ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định và các nguồn hợp pháp khác theo quy định; ưu tiên hợp tác công – tư trong triển khai nền tảng, hạ tầng, dịch vụ số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ chế chỉ đạo, điều phối

- Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06 (gọi tắt là Ban Chỉ đạo) chịu trách nhiệm chỉ đạo thống nhất việc tổ chức, điều phối và giám sát toàn bộ quá trình thực hiện Chiến lược Chuyển đổi số. Ban Chỉ đạo tổ chức họp định kỳ hằng quý, tháo gỡ khó khăn, chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách.

- Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, điều phối, theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc triển khai Chiến lược; chủ trì xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm nhằm thực thi Chiến lược; tổng hợp kết quả, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh và các cơ quan Trung ương liên quan.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số thực hiện cụ thể hằng năm; lồng ghép nội dung chuyển đổi số vào chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và trung hạn của từng lĩnh vực, bảo đảm phù hợp điều kiện, đặc thù địa phương.

2. Cơ chế phối hợp và nguồn lực thực hiện

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu và cộng đồng để huy động sức mạnh tổng hợp trong triển khai chuyển đổi số.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ nền tảng, hạ tầng, dữ liệu, đào tạo nhân lực và an toàn thông tin; đồng thời đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội theo hình thức hợp tác công – tư (PPP), đặt hàng – thuê dịch vụ số, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực dữ liệu, hạ tầng số, nền tảng số, du lịch thông minh, nông nghiệp số...

- Khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp công nghệ số trong và ngoài tỉnh, cộng đồng khởi nghiệp, các tổ chức nghiên cứu và sáng tạo vào quá trình xây dựng, vận hành và khai thác các hệ thống số của tỉnh.

3. Cơ chế giám sát, đánh giá và cập nhật chiến lược

- Hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đánh giá.

- Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đánh giá giữa kỳ (năm 2028) và tổng kết giai đoạn (năm 2030) được tổ chức để xem xét kết quả, rút kinh nghiệm, đề xuất điều chỉnh và xây dựng định hướng giai đoạn tiếp theo.

4. Công tác thông tin, truyền thông

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức truyền thông, tuyên truyền và giáo dục nhận thức về chuyển đổi số, coi đây là nhiệm vụ xuyên suốt; lồng ghép trong các chương trình, phong trào thi đua, cuộc thi, giải thưởng sáng tạo và sự kiện văn hóa - xã hội.

- Tỉnh đoàn Gia Lai chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, hệ thống chính trị cơ sở, doanh nghiệp và tổ chức xã hội trong việc hướng dẫn, lan tỏa kỹ năng số, dịch vụ số đến người dân.

- Kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình, sáng kiến, gương điển hình tiên tiến trong triển khai chuyển đổi số, góp phần hình thành văn hóa số và tinh thần đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, V9.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang